TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 656 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2019
V/v ***Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;
- Các hội thẩm nhân dân:
  + Ông: **Tạ Công Minh**;
  + Ông : **Huỳnh Văn Phó**;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 370/2019/TLST – HN ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc: "tranh chấp ly hôn và nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159 /QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: **Trần Thị Diễm T** sinh năm 1981;
Nơi cư trú: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Văn D** sinh năm 1972;
Nơi cư trú: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Diễm T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung, anh chị sống hạnh phúc và

có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H sinh năm 2000; Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 24/12/2002. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu say nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi. Vợ chồng đã xây dựng, góp ý nhưng không thể khắc phục được. Gia đình hai bên cũng động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Đầu năm 2017, anh D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng với chị cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Diễm T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân : Chị Trần Thị Diễm T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 24/12/2002 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Diễm H đã thành niên, không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung : không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết, anh Nguyễn Văn D trình bày:**

Anh và chị Trần Thị Diễm T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung, anh chị sống hạnh phúc và có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H sinh năm 2000; Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 24/12/2002. Cách nay khoảng 2 năm, vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh có hay uống rượu say nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Anh đã về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với chị T cho đến nay. Anh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm T như sau:

- Về hôn nhân : Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Diễm T .

- Về nuôi con chung: anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 24/12/2002 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

- Về nội dụng vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX tuyên bố không

công nhận quan hệ của chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng; Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh N cho chị Trần Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Diễm T yêu cầu Tòa án cho ly hôn và giải quyết việc nuôi con. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 2000. Theo hướng dẫn Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là trường hợp phải đăng ký kết hôn nhưng chị T và anh D vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ Hướng dẫn Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung : chị Trần Thị Diễm T yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, đối với Nguyễn Thị Diễm H đã thành niên và sống độc lập không yêu cầu Tòa án xem xét. Anh Nguyễn Văn D cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi con. Xét cháu Thanh N là con chung của chị T và anh D trong quá trình sống chung. Đồng thời, cháu Thanh N là người chưa thành niên, cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi anh chị ly thân, cháu Thanh N được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học đến nay cuộc sống đã ổn định, đảm bảo về vật chất và tinh thần. Hơn nữa, cháu Thanh N đã trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Căn cứ Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Trần Thị Diễm T trực tiếp

nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Diễm T đủ điều kiện nuôi con chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung : Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

[8] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng</u>: Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Diễm T .

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ của chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng;

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 24/12/2002 cho chị Trần Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Tài sản chung, Nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Diễm T đã nộp theo biên lai thu số 0009808 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Diễm T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.tỉnh Tiền Giang;
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn